

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002		7,2	Bảy phẩy hai	C24QT7	
2	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004		7,2	Bảy phẩy hai	C24QT7	Nợ HP
3	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004		8,5	Tám phẩy năm	C24QT7	
4	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004		7,4	Bảy phẩy bốn	C24QT7	
5	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004		8,6	Tám phẩy sáu	C24QT7	
6	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004		7,6	Bảy phẩy sáu	C24QT7	
7	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24QT7	
8	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004		4,6	Bốn phẩy sáu	C24QT7	
9	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004		7,9	Bảy phẩy chín	C24QT7	
10	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24QT7	
11	2210100218	Nguyễn Đức Tuyển	15/11/2004		5,4	Năm phẩy bốn	C24QT7	
12	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004		7,9	Bảy phẩy chín	C24QT7	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 . Số bài thi: 12 / 12 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 12 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, 00 %

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoàng Tú Uyên

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002		6,1	Sáu phẩy một	C24QT7	
2	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004		6,1	Sáu phẩy một	C24QT7	Nợ HP
3	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004		7,2	Bảy phẩy hai	C24QT7	
4	2210100228	Nguyễn Đoan Hồ	01/06/2004		6,8	Sáu phẩy tám	C24QT7	
5	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004		7,3	Bảy phẩy ba	C24QT7	
6	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004		6,8	Sáu phẩy tám	C24QT7	
7	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004		6,4	Sáu phẩy bốn	C24QT7	
8	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004		6,1	Sáu phẩy một	C24QT7	
9	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004		6,3	Sáu phẩy ba	C24QT7	
10	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004		6,1	Sáu phẩy một	C24QT7	
11	2210100218	Nguyễn Đức Tuyền	15/11/2004		5,8	Năm phẩy tám	C24QT7	
12	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004		6,0	Sáu phẩy không	C24QT7	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 . Số bài thi: 12 / 12 .Số sinh viên đạt/không đạt: 12 / 0Tỷ lệ đạt: 100, ____ %Ngày 23 tháng 10 năm 2023

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị DungNgày 20 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần An	19/06/2004		8,4	Tám phẩy bốn	C24TH1	
2	2210010017	Nguyễn Trần Gia Bảo	13/2/2004		7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH1	
3	2210010013	Nguyễn Thanh Danh	12/06/2003		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
4	2210010020	Lê Biện Nguyễn Diễm	17/02/2004		8,1	Tám phẩy một	C24TH1	
5	2210010029	Lý Quốc Đình	22/01/2003				C24TH1	
6	2210010001	Nguyễn Tấn Đạt	26/07/2003		8,3	Tám phẩy ba	C24TH1	
7	2210010048	Mai Thị Yến Huỳnh	02/12/2004		8,2	Tám phẩy hai	C24TH1	
8	2210010021	Nguyễn Thị Kim Hương	29/10/2004		8,4	Tám phẩy bốn	C24TH1	
9	2210010019	Phùng Thái Nhật	25/03/2004		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
10	2210010022	Nguyễn Lê Anh Khoa	14/09/2004		9,3	Chín phẩy ba	C24TH1	
11	2210010026	Võ Trung Kiệt	04/08/2003		6,5	Sáu phẩy năm	C24TH1	
12	2210010015	Tăng Bội Linh	17/02/2004		6,6	Sáu phẩy sáu	C24TH1	
13	2210010016	Châu Thị Ái My	17/08/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
14	2210010035	Lâm Chí Nguyên	10/11/2004		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH1	
15	2210010006	Đinh Ngọc Phúc	02/09/2003				C24TH1	
16	2210010003	Trương Mưu Tấn	06/02/2003		9,1	Chín phẩy một	C24TH1	
17	2210010007	Thượng Hồng Thẩm	08/07/2003		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
18	2210010028	Bùi Huy Thuận	25/02/2003		7,5	Bảy phẩy năm	C24TH1	
19	2210010024	Lê Hoàng Tiến	02/05/2004		5,6	Năm phẩy sáu	C24TH1	
20	2210010032	Lê Minh Trung	28/10/2000		6,1	Sáu phẩy một	C24TH1	
21	2210010012	Lê Anh Tuấn	09/03/2002		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
22	2210010011	Lê Quốc Tuấn	09/03/2002		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
23	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	08/10/2003		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
24	2210010002	Nguyễn Lê Phương Vy	26/08/2001		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH1	
25	2210010014	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/10/2004		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 02 . Số bài thi: 23 / 25 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 02

Tỷ lệ đạt: 92 ,00 %

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoàng Tú Uyên

PHÒNG BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần An	19/06/2004		7,7	Bảy phẩy bảy	C24TH1	
2	2210010017	Nguyễn Trần Gia Bảo	13/2/2004		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
3	2210010013	Nguyễn Thanh Danh	12/06/2003		7,7	Bảy phẩy bảy	C24TH1	
4	2210010020	Lê Biện Nguyễn Diễm	17/02/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
5	2210010029	Lý Quốc Đình	22/01/2003				C24TH1	
6	2210010001	Nguyễn Tấn Đạt	26/07/2003		7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH1	
7	2210010048	Mai Thị Yến Huỳnh	02/12/2004		7,9	Bảy phẩy chín	C24TH1	
8	2210010021	Nguyễn Thị Kim Hương	29/10/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
9	2210010019	Phùng Thái Nhật Hương	25/03/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
10	2210010022	Nguyễn Lê Anh Khoa	14/09/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24TH1	
11	2210010026	Võ Trung Kiệt	04/08/2003		8,0	Tám phẩy không	C24TH1	
12	2210010015	Tăng Bội Linh	17/02/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
13	2210010016	Châu Thị Ái My	17/08/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	
14	2210010035	Lâm Chí Nguyên	10/11/2004		8,6	Tám phẩy sáu	C24TH1	
15	2210010006	Đinh Ngọc Phúc	02/09/2003				C24TH1	
16	2210010003	Trương Mưu Tấn	06/02/2003		8,8	Tám phẩy tám	C24TH1	
17	2210010007	Thượng Hồng Thắm	08/07/2003		7,7	Bảy phẩy bảy	C24TH1	
18	2210010028	Bùi Huy Thuận	25/02/2003		7,1	Bảy phẩy một	C24TH1	
19	2210010024	Lê Hoàng Tiến	02/05/2004		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
20	2210010032	Lê Minh Trung	28/10/2000		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
21	2210010012	Lê Anh Tuấn	09/03/2002		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
22	2210010011	Lê Quốc Tuấn	09/03/2002		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
23	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	08/10/2003		7,3	Bảy phẩy ba	C24TH1	
24	2210010002	Nguyễn Lê Phương Vy	26/08/2001		9,1	Chín phẩy một	C24TH1	
25	2210010014	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/10/2004		7,8	Bảy phẩy tám	C24TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 02 . Số bài thi: 23 / 25 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 02

Tỷ lệ đạt: 92,00 %

Ngày 23 tháng 10 năm 2023

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoàng Tú Uyên

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010053	Đặng Bảo Bảo	21/01/2003		6,8	Sáu phẩy tám	C24TH2	
2	2210010038	Bùi Minh Danh	09/09/2003		5,7	Năm phẩy bảy	C24TH2	
3	2210010066	Trần Vũ Duy	07/04/2004		8,9	Tám phẩy chín	C24TH2	
4	2210010045	Đoàn Hải Dương	05/02/2004		8,3	Tám phẩy ba	C24TH2	
5	2210010067	Trần Văn Đạt	28/08/2004		7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	
6	2210010040	Lâm Thế Hiền	26/09/2004		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH2	
7	2210010064	Phạm Lê Thanh Hoàng	13/09/2004		6,8	Sáu phẩy tám	C24TH2	
8	2210010056	Lê Thanh Huy	10/02/2004				C24TH2	
9	2210010044	Lâm Phương Khánh	19/01/2004		8,1	Tám phẩy một	C24TH2	
10	2210010058	Phạm Thùy Linh	27/10/2004		8,3	Tám phẩy ba	C24TH2	
11	2210010072	Lê Văn Lộc	08/11/2004		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH2	
12	2210010043	Phan Văn Lượng	13/10/2003		7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH2	
13	2210010073	Trần Cao Kim Ngân	10/08/2004		8,1	Tám phẩy một	C24TH2	
14	2210010065	Lê Như Ngọc	16/08/2004		8,8	Tám phẩy tám	C24TH2	
15	2210010060	Văn Phước Ngời	09/01/2003		6,8	Sáu phẩy tám	C24TH2	
16	2210010046	Nguyễn Minh Nhân	20/03/2004		8,1	Tám phẩy một	C24TH2	
17	2210010047	Bùi Tấn Phát	04/12/2004		7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH2	
18	2210010057	Nguyễn Thị Linh Phương	25/12/2004		7,1	Bảy phẩy một	C24TH2	
19	2210010070	Trần Minh Quang	25/12/2004		7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH2	
20	2210010061	Nguyễn Quốc Quài	24/08/2003		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH2	
21	2210010034	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/06/2004		8,5	Tám phẩy năm	C24TH2	
22	2210010042	Nguyễn Trần Anh Thư	18/08/2004		8,1	Tám phẩy một	C24TH2	
23	2210010071	Nguyễn Hữu Tình	25/07/2004		9,6	Chín phẩy sáu	C24TH2	
24	2210010085	Phạm Anh Toàn	27/05/2004		6,1	Sáu phẩy một	C24TH2	
25	2210010027	Lê Thị Thanh Trúc	22/10/2004		8,7	Tám phẩy bảy	C24TH2	
26	2210010062	Tô Thanh Tuấn	13/06/2004		6,9	Sáu phẩy chín	C24TH2	
27	2210010069	Huỳnh Ang Hải Yến	28/07/2004		7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 27 .

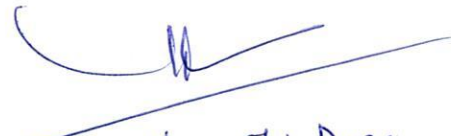
Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 01

Tỷ lệ đạt: 96,3 %

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Hoàng Tú Uyên

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên - (09002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010053	Đặng Bảo	21/01/2003	<i>Bao</i>	7,5	Bảy phẩy năm	C24TH2	
2	2210010038	Bùi Minh	09/09/2003	<i>Minh</i>	8,9	Tám phẩy chín	C24TH2	
3	2210010066	Trần Vũ	07/04/2004	<i>Vũ</i>	8,7	Tám phẩy bảy	C24TH2	
4	2210010045	Đoàn Hải	05/02/2004	<i>Hải</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
5	2210010067	Trần Văn	28/08/2004	<i>Văn</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
6	2210010040	Lâm Thế	26/09/2004	<i>Thế</i>	7,7	Bảy phẩy bảy	C24TH2	
7	2210010064	Phạm Lê Thanh	13/09/2004	<i>Thanh</i>	8,0	Tám phẩy không	C24TH2	
8	2210010056	Lê Thanh	10/02/2004				C24TH2	
9	2210010044	Lâm Phương	19/01/2004	<i>Phương</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
10	2210010058	Phạm Thùy	27/10/2004		7,1	Bảy phẩy một	C24TH2	
11	2210010072	Lê Văn	08/11/2004	<i>Văn</i>	8,8	Tám phẩy tám	C24TH2	
12	2210010043	Phan Văn	13/10/2003	<i>Văn</i>	7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	
13	2210010073	Trần Cao Kim	10/08/2004	<i>Kim</i>	7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	
14	2210010065	Lê Như	16/08/2004	<i>Như</i>	9,0	Chín phẩy không	C24TH2	
15	2210010060	Văn Phước	09/01/2003	<i>Phước</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
16	2210010046	Nguyễn Minh	20/03/2004	<i>Minh</i>	7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH2	
17	2210010047	Bùi Tấn	04/12/2004	<i>Tấn</i>	7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	
18	2210010057	Nguyễn Thị Linh	25/12/2004	<i>Linh</i>	7,8	Bảy phẩy tám	C24TH2	
19	2210010070	Trần Minh	25/12/2004	<i>Minh</i>	7,6	Bảy phẩy sáu	C24TH2	
20	2210010061	Nguyễn Quốc	24/08/2003	<i>Quốc</i>	6,0	Sáu phẩy không	C24TH2	
21	2210010034	Nguyễn Thị Như	06/06/2004	<i>Như</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
22	2210010042	Nguyễn Trần Anh	18/08/2004	<i>Anh</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
23	2210010071	Nguyễn Hữu	25/07/2004	<i>Hữu</i>	9,1	Chín phẩy một	C24TH2	
24	2210010085	Phạm Anh	27/05/2004	<i>Anh</i>	8,1	Tám phẩy một	C24TH2	
25	2210010027	Lê Thị Thanh	22/10/2004	<i>Thanh</i>	7,9	Bảy phẩy chín	C24TH2	
26	2210010062	Tô Thanh	13/06/2004	<i>Thanh</i>	6,0	Sáu phẩy không	C24TH2	
27	2210010069	Huỳnh Ang Hải	28/07/2004	<i>Hải</i>	7,4	Bảy phẩy bốn	C24TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 27 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 01

Tỷ lệ đạt: 96,3 %

Ngày: 23 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày: 20 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Hoàng Tú Uyên

TRU

KH

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM TRA

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên

Ngày thi: 22/11/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Lê Trung Sơn

Ký tên: lts

Giám thị 2: Châu Lê Sơn

Ký tên: CLS

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010061	Nguyễn Quốc Quài	24/08/2003	<u>Quài</u>				C24TH2	
2	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004	<u>Quốc</u>				C24QT7	
3	2210010034	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/06/2004	<u>Quỳnh</u>				C24TH2	
4	2210010003	Trương Mưu Tấn	06/02/2003	<u>Tấn</u>				C24TH1	
5	2210010007	Thượng Hồng Thắm	08/07/2003	<u>Thắm</u>				C24TH1	
6	2210010028	Bùi Huy Thuận	25/02/2003	<u>Thuận</u>				C24TH1	
7	2210010042	Nguyễn Trần Anh Thư	18/08/2004	<u>Thư</u>				C24TH2	
8	2210010024	Lê Hoàng Tiến	02/05/2004	<u>Tiến</u>				C24TH1	
9	2210010071	Nguyễn Hữu Tình	25/07/2004	<u>Tình</u>				C24TH2	
10	2210010085	Phạm Anh Toàn	27/05/2004	<u>Toàn</u>				C24TH2	
11	2210010032	Lê Minh Trung	28/10/2000	<u>Trung</u>				C24TH1	
12	2210010027	Lê Thị Thanh Trúc	22/10/2004	<u>Trúc</u>				C24TH2	
13	2210010012	Lê Anh Tuấn	09/03/2002	<u>Tuấn</u>				C24TH1	
14	2210010011	Lê Quốc Tuấn	09/03/2002	<u>Tuấn</u>				C24TH1	
15	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	08/10/2003	<u>Tuấn</u>				C24TH1	
16	2210010062	Tô Thanh Tuấn	13/06/2004	<u>Tuấn</u>				C24TH2	
17	2210100218	Nguyễn Đức Tuyển	15/11/2004					C24QT7	✓
18	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004	<u>Vân</u>				C24QT7	
19	2210010002	Nguyễn Lê Phương Vy	26/08/2001	<u>Vy</u>				C24TH1	
20	2210010014	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/10/2004	<u>Xuyên</u>				C24TH1	
21	2210010069	Huỳnh Ang Hải Yến	28/07/2004	<u>Yến</u>				C24TH2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: / .

Số sinh viên đạt: 20 Tỷ lệ đạt: 95,2 %

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoàng Tú Uyên₉₁

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Kỹ năng giao tiếp và văn hóa doanh nghiệp

Mã bài thi: H7FKZ5

Thời gian thi: 22/11/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 22/11/2023 08:45:00

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: ch

Giám thị 2: Châu Lợi Sơn Ký tên: Ch

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010061	Nguyễn Quốc Quài	24/08/2003	<u>Quài</u>	6.2	Sáu, hai	C24TH2	
2	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004	<u>Quốc</u>	8.2	Tám, hai	C24QT7	
3	2210010034	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/06/2004	<u>Quỳnh</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH2	
4	2210010003	Trương Mưu Tấn	06/02/2003	<u>Tấn</u>	8	Tám	C24TH1	
5	2210010007	Thượng Hồng Thắm	08/07/2003	<u>Thắm</u>	8.2	Tám, hai	C24TH1	
6	2210010042	Nguyễn Trần Anh Thư	18/08/2004	<u>Thư</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH2	
7	2210010028	Bùi Huy Thuận	25/02/2003	<u>Thuận</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH1	
8	2210010024	Lê Hoàng Tiến	02/05/2004	<u>Tiến</u>	8.2	Tám, hai	C24TH1	
9	2210010071	Nguyễn Hữu Tinh	25/07/2004	<u>Tinh</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH2	
10	2210010085	Phạm Anh Toàn	27/05/2004	<u>Toàn</u>	7.6	Bảy, sáu	C24TH2	
11	2210010027	Lê Thị Thanh Trúc	22/10/2004	<u>Trúc</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH2	
12	2210010032	Lê Minh Trung	28/10/2000	<u>Trung</u>	8.8	Tám, tám	C24TH1	
13	2210010062	Tô Thanh Tuấn	13/06/2004	<u>Tuấn</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH2	
14	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	08/10/2003	<u>Tuấn</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH1	
15	2210010011	Lê Quốc Tuấn	09/03/2002	<u>Tuấn</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH1	
16	2210010012	Lê Anh Tuấn	09/03/2002	<u>Tuấn</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH1	
17	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004	<u>Vân</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT7	
18	2210010002	Nguyễn Lê Phương Vy	26/08/2001	<u>Vy</u>	8.2	Tám, hai	C24TH1	
19	2210010014	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/10/2004	<u>Xuyên</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH1	
20	2210010069	Huỳnh Ang Hải Yến	28/07/2004	<u>Yến</u>	8.2	Tám, hai	C24TH2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 20

Số sinh viên đạt: 20

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hoàng Tú Uyên

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp - MH1109013

Mã lớp học phần: MH110901301

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Tú Uyên

Ngày thi: 22/11/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Thị Duyên

Ký tên: Trần Thị Duyên

Giám thị 2: Đặng Thị Đan

Ký tên: Đặng Thị Đan

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần An	19/06/2004	<u>An</u>				C24TH1	
2	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>An</u>				C24QT7	
3	2210010053	Đặng Bảo Bảo	21/01/2003	<u>Bảo</u>				C24TH2	
4	2210010017	Nguyễn Trần Gia Bảo	13/2/2004	<u>Bảo</u>				C24TH1	
5	2210010038	Bùi Minh Danh	09/09/2003	<u>Danh</u>				C24TH2	
6	2210010013	Nguyễn Thanh Danh	12/06/2003	<u>Danh</u>				C24TH1	
7	2210010020	Lê Biện Nguyễn Diễm	17/02/2004	<u>Diễm</u>				C24TH1	
8	2210010066	Trần Vũ Duy	07/04/2004	<u>Duy</u>				C24TH2	
9	2210010045	Đoàn Hải Dương	05/02/2004	<u>Dương</u>				C24TH2	
10	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004	<u>Đạt</u>				C24QT7	Nợ HP
11	2210010001	Nguyễn Tấn Đạt	26/07/2003	<u>Đạt</u>				C24TH1	
12	2210010067	Trần Văn Đạt	28/08/2004	<u>Đạt</u>				C24TH2	
13	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004	<u>Hân</u>				C24QT7	
14	2210010040	Lâm Thế Hiền	26/09/2004	<u>Hiền</u>				C24TH2	
15	2210010064	Phạm Lê Thanh Hoàng	13/09/2004	<u>Hoàng</u>				C24TH2	
16	2210100228	Nguyễn Đoan Hồ	01/06/2004	<u>Hồ</u>				C24QT7	
17	2210010048	Mai Thị Yến Huỳnh	02/12/2004	<u>Huỳnh</u>				C24TH1	
18	2210010021	Nguyễn Thị Kim Hương	29/10/2004	<u>Hương</u>				C24TH1	
19	2210010019	Phùng Thái Nhật Hương	25/03/2004	<u>Hương</u>				C24TH1	
20	2210010044	Lâm Phương Khánh	19/01/2004	<u>Khánh</u>				C24TH2	
21	2210010022	Nguyễn Lê Anh Khoa	14/09/2004	<u>Khoa</u>				C24TH1	
22	2210010026	Võ Trung Kiệt	04/08/2003	<u>Kiệt</u>				C24TH1	
23	2210010058	Phạm Thùy Linh	27/10/2004	<u>Linh</u>				C24TH2	
24	2210010015	Tăng Bội Linh	17/02/2004	<u>Linh</u>				C24TH1	
25	2210010072	Lê Văn Lộc	08/11/2004	<u>Lộc</u>				C24TH2	
26	2210010043	Phan Văn Lượng	13/10/2003	<u>Lượng</u>				C24TH2	
27	2210010016	Châu Thị Ái My	17/08/2004	<u>My</u>				C24TH1	
28	2210010073	Trần Cao Kim Ngân	10/08/2004	<u>Ngân</u>				C24TH2	
29	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004	<u>Ngân</u>				C24QT7	
30	2210010065	Lê Như Ngọc	16/08/2004	<u>Ngọc</u>				C24TH2	
31	2210010060	Văn Phước Ngòi	09/01/2003	<u>Ngòi</u>				C24TH2	
32	2210010035	Lâm Chí Nguyên	10/11/2004	<u>Nguyên</u>				C24TH1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210010046	Nguyễn Minh Nhân	20/03/2004					C24TH2	
34	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004					C24QT7	
35	2210010047	Bùi Tấn Phát	04/12/2004		✓	✓	✓	C24TH2	
36	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004					C24QT7	
37	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004		✓	✓	✓	C24QT7	
38	2210100227	Võ Ngọc Phi	24/05/2004					C24QT7	
39	2210010057	Nguyễn Thị Linh Phương	25/12/2004					C24TH2	
40	2210010070	Trần Minh Quang	25/12/2004					C24TH2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 36 vắng thi: 04 . Số bài thi/Số tờ: 36 / 1 .

Số sinh viên đạt: 36 Tỷ lệ đạt: 90 %

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Hoàng Tú Uyên



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Kỹ năng giao tiếp và văn hóa doanh nghiệp

Mã bài thi: N4LQP8

Thời gian thi: 22/11/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 22/11/2023 08:45:00

Giám thị 1: Đào Thị Ngọc Ký tên: Đào Thị Ngọc

Giám thị 2: Nguyễn Văn Sơn Ký tên: Nguyễn Văn Sơn

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần An	19/06/2004	<u>An</u>	8.8	Tám, tám	C24TH1	
2	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>An</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT7	
3	2210010053	Đặng Bảo Bảo	21/01/2003	<u>Bao Bao</u>	8.2	Tám, hai	C24TH2	
4	2210010017	Nguyễn Trần Gia Bảo	13/02/2004	<u>Gia Bao</u>	7.2	Bảy, hai	C24TH1	
5	2210010013	Nguyễn Thanh Danh	12/06/2003	<u>Danh</u>	8.2	Tám, hai	C24TH1	
6	2210010001	Nguyễn Tấn Đạt	26/07/2003	<u>Dat</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH1	
7	2210010067	Trần Văn Đạt	28/08/2004	<u>Dat</u>	6.8	Sáu, tám	C24TH2	
8	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004	<u>Phat</u>	7.6	Bảy, sáu	C24QT7	
9	2210010020	Lê Biện Nguyễn Diễm	17/02/2004	<u>Diem</u>	9	Chín	C24TH1	
10	2210010045	Đoàn Hải Dương	05/02/2004	<u>Hai</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH2	
11	2210010066	Trần Vũ Duy	07/04/2004	<u>Duy</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH2	
12	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004	<u>Han</u>	8	Tám	C24QT7	
13	2210010040	Lâm Thế Hiền	26/09/2004	<u>Hien</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH2	
14	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004	<u>Huoc</u>	7.4	Bảy, bốn	C24QT7	
15	2210010064	Phạm Lê Thanh Hoàng	13/09/2004	<u>Hoang</u>	7.4	Bảy, bốn	C24TH2	
16	2210010021	Nguyễn Thị Kim Hương	29/10/2004	<u>Huong</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH1	
17	2210010019	Phùng Thái Nhật Hương	25/03/2004	<u>Huong</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH1	
18	2210010048	Mai Thị Yến Huỳnh	02/12/2004	<u>Huynh</u>	8	Tám	C24TH1	
19	2210010044	Lâm Phương Khánh	19/01/2004	<u>Khanh</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH2	
20	2210010022	Nguyễn Lê Anh Khoa	14/09/2004	<u>Khoa</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH1	
21	2210010026	Võ Trung Kiệt	04/08/2003	<u>Kiet</u>	7.4	Bảy, bốn	C24TH1	
22	2210010015	Tăng Bội Linh	17/02/2004	<u>Linh</u>	7.4	Bảy, bốn	C24TH1	
23	2210010072	Lê Văn Lộc	08/11/2004	<u>Loc</u>	8	Tám	C24TH2	
24	2210010043	Phan Văn Lượng	13/10/2003	<u>Luong</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH2	
25	2210010016	Châu Thị Ái My	17/08/2004	<u>My</u>	7	Bảy	C24TH1	
26	2210010073	Trần Cao Kim Ngân	10/08/2004	<u>Ngan</u>	7.6	Bảy, sáu	C24TH2	
27	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004	<u>Ngan</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT7	
28	2210010065	Lê Như Ngọc	16/08/2004	<u>Ngoc</u>	8.8	Tám, tám	C24TH2	
29	2210010060	Văn Phước Ngời	09/01/2003	<u>Ngoi</u>	7.8	Bảy, tám	C24TH2	
30	2210010035	Lâm Chí Nguyên	10/11/2004	<u>Nguyen</u>	6.8	Sáu, tám	C24TH1	
31	2210010046	Nguyễn Minh Nhân	20/03/2004	<u>Nhan</u>	8.6	Tám, sáu	C24TH2	
32	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004	<u>Nhi</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT7	
33	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004	<u>Phu</u>	9	Chín	C24QT7	
34	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004	<u>Phung</u>	8.6	Tám, sáu	C24QT7	
35	2210010057	Nguyễn Thị Linh Phương	25/12/2004	<u>Phuong</u>	8.2	Tám, hai	C24TH2	
36	2210010070	Trần Minh Quang	25/12/2004	<u>Quang</u>	8.4	Tám, bốn	C24TH2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

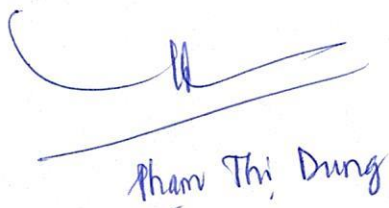
Số sinh viên dự thi: 36

Số sinh viên đạt: 36

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Dung

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Hoàng Tú Uyên